

ÓC EO – BA THÊ TRONG VƯƠNG QUỐC PHÙ NAM

*Đặng Văn Thắng**

Vương quốc Phù Nam tồn tại từ thế kỷ I đến thế kỷ VII sau Công nguyên. Căn cứ vào thư tịch cổ của Trung Quốc, bia ký và những thành tựu nghiên cứu của khảo cổ học có thể khôi phục lại diện mạo của nước Phù Nam như: phổ hệ các vua Phù Nam, kinh tế, văn hóa xã hội, phạm vi lãnh thổ, những quan hệ giữa Phù Nam với thế giới, cũng như những nguyên nhân tàn lụi của vương quốc Phù Nam.

Louis Malleret là người bỏ nhiều công sức và có nhiều đóng góp trong việc nghiên cứu Óc Eo và văn hóa Óc Eo. Những thành tựu nghiên cứu của Louis Malleret về văn hóa Óc Eo thể hiện trong bộ sách bốn tập Khảo cổ học đồng bằng sông Cửu Long. Sau năm 1975, các nhà khảo cổ học Việt Nam đã có nhiều cuộc khai quật, nghiên cứu về Văn hóa Óc Eo và vương quốc Phù Nam. Trong nền văn hóa Óc Eo có những khu di tích, trong đó nổi bật và to lớn nhất là khu di tích Óc Eo – Ba Thê thuộc tỉnh An Giang. Với những di tích và hiện vật tìm được cho đến hiện nay, qua những cuộc khai quật khảo cổ, chứng tỏ Óc Eo – Ba Thê là cảng thị lớn nhất của vương quốc Phù Nam. Sau khi vương quốc Phù Nam tàn lụi, cư dân ở đây vẫn tiếp tục cuộc sống cho đến thế kỷ XII – thời kỳ hậu Phù Nam.

Căn cứ vào những di tích và di vật tìm được ở Óc Eo – Ba Thê, so với những di tích và di vật tìm được trong văn hóa Óc Eo cũng như những di tích và di vật khác tìm được ngoài văn hóa Óc Eo nhưng thuộc vương quốc Phù Nam ở vùng đất thuộc Campuchia, Thái Lan, Malaysia...hiện nay. Từ đó, có thể xác định được chính xác vị trí quan trọng của Óc Eo – Ba Thê, một tiểu quốc lớn, một cảng thị quan trọng trong vương quốc Phù Nam cũng như vị trí của Óc Eo – Ba Thê thời kỳ hậu Phù Nam.

I. VƯƠNG QUỐC PHÙ NAM

Phù Nam (Fou Nan, Funan) là tên phiên âm Hán-Việt của một quốc gia cổ trong lịch sử Đông Nam Á, ở khu vực hạ lưu và châu thổ sông Mê Kông. Theo nhiều thư tịch cổ Trung Quốc, thì trong thời kỳ hưng thịnh, vương quốc này về phía Đông, đã kiểm soát cả vùng đất phía Nam Trung Bộ (Việt Nam), về phía Tây đến thung lũng

* Phó giáo sư – Tiến sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia TP.Hồ Chí Minh

sông Mê Nam (Thái Lan), về phía Nam đến phần phía Bắc bán đảo Malaysia (http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%C3%B9_Nam). Giáo sư Lương Ninh xác định nước Phù Nam, *phía Bắc* phát triển đến khu vực Sê Mun (Khorat); *phía Nam* là hai thuộc quốc *Đồn Tồn* (5 thành/ đồn) ở hạ lưu Mê Nam và *Xích Thổ* ở khoảng giữa bán đảo Malaysia, là 10 “nước” phải cống nạp và bị kiểm soát về đối ngoại; *phía Tây* đến một phần Myanmar; *phía Đông* không rõ mối quan hệ như thế nào đến vùng quần đảo Đông Nam Á (Lương Ninh 2011: 68-69). Nước Phù Nam tồn tại từ khoảng thế kỷ I và kéo dài đến thế kỷ VII, vào đầu thời Trinh Quán (貞觀 Zhēn guān) (627-649) (http://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A0_%C4%90%C6%B0%E1%BB%9Dng) thuộc thời Đường (618–907) ở Trung Quốc. Một số nhà nghiên cứu đã căn cứ vào thư tịch cổ của Trung Hoa ghi chép về nước Phù Nam và bia ký cổ của Phù Nam, dựng lại phổ hệ các vua Phù Nam như sau:

1	Liễu Diệp (Diệp Liễu) (Soma = Mặt Trăng)	? - ?	Bị Hồn Điền thu phục và cưới làm vợ
2	Hồn Điền/ Hồn Hội (Kaundinya)	? - ?	Có thể từ Ấn Độ hay bán đảo Mã Lai đến. Phân các con “làm vua/ vương 7 ấp”
3	Hồn Bàn Hống	? - 217	
4	Hồn Bàn Bàn	217 - 220	Ủy thác việc nước cho tướng giỏi là Phạm Man
5	Phạm Man/ Phạm Sư Mạnh (Sri Mara)	220 - 225	Phạm Man tự xưng “ <i>Phù Nam Đại vương</i> ”, chiếm được hơn 10 nước, ‘mở rộng đất đai đến năm sáu nghìn dặm’
6	Phạm Kim Sinh	225-235	
7	Phạm Chiên/Phạm Mộ	235 - 250	Đoạt ngôi của Phạm Kim Sinh. Là vua Phù

			Nam đầu tiên thông hiếu với Trung Hoa
8	Phạm Trường	250	
9	Phạm Tầm	250 - 287	Tiếp Khang Thái và Chu Ứng, nhiều lần sai sứ sang cống nhà Tấn, mở rộng giao thương trên biển
10	Thiên Trúc Chiên Đàn (Chandan/ Chandran)	287 - ?	Là người Ấn Độ, thuộc dòng tộc Kushana, bị Gupta Vasudeva giành ngôi
11	Kiều Trần Như (Kaundinya II)	? - ?	Là người Bà La Môn ở Ấn Độ. Kiêu Trần Như “thay đổi pháp chế trong nước theo như quy chế của Thiên Trúc”
12	Trì Lê Đà Bạt Ma (Sri Indravarman)	424 - 438	Nhiều lần dâng cống phẩm cho Trung Hoa
13	Bồ Tà Bạt Ma (Javavarman)	470 - 513	Được vua Lương (502-557) phong “ <i>An Nam tướng quân Phù Nam vương</i> ”. Buôn bán với Quảng Đông, cử nhà sư Nagasena sang Trung Quốc
14	Lưu Đà Bạt Ma (Rudravarman)	514-550	Đạo Phật thịnh hành ở Phù Nam và nhà Lương (Trung Quốc).
15	?	?	?

16		? - 627	Bị Chân Lạp đánh chiếm, phải dời về thành Đặc Mục (Na Phát Na)
----	--	---------	--

(Phan Huy Lê 2007: 179-183; Lê Thị Liên 2006: 21; Lê Hương 1974: 94).

Cũng theo thư tịch cổ Trung Quốc có thể biết được một cách khái quát về vương quốc Phù Nam:

- **Vị trí**

Theo **Lương thư** - chữ Hán giản thể: 梁书; phồn thể: 梁書) là một sách lịch sử theo thể kỷ truyện trong 24 sách lịch sử Trung Quốc (*Nhị thập tứ sử*) do Diêu Tư Liêm đời Đường kế thừa cha là Diêu Sát đời Trần viết và biên soạn vào năm Trinh Quán thứ 3 (năm 629), đến năm Trinh Quán thứ 10 (năm 636) thì hoàn thành. (Theo http://vi.wikipedia.org/wiki/L%C6%B0%C6%A1ng_th%C6%B0) - biên soạn vào thời Trinh Quán nhà Đường : “*Nước Phù Nam ở phía Nam quận Nhật Nam, trong vịnh lớn phía Tây của biển, cách Nhật Nam có đến 7000 lí, cách Lâm Ấp ở phía Tây Nam hơn 3000 lí. Thành cách biển 500 lí, có sông lớn rộng 10 lí từ Tây Bắc chảy sang Đông nhập vào biển. Nước rộng hơn 3000 lí, đất trũng ẩm thấp nhưng bằng phẳng rộng rãi*” (Lương Ninh 2006: 178) - Nếu tính 1 lí, 1 dặm (市里, li) = 15 dặm = 500m

(http://vi.wikipedia.org/wiki/H%E1%BB%87_%C4%91o_l%C6%B0%E1%BB%9Dng_c%E1%BB%95_Trung_Hoa) - thì **Phù Nam** ở phía Nam quận Nhật Nam, cách quận Nhật Nam 3500 km (7000 lí x 500m = 3500000m = 3500 km); cách Lâm Ấp ở phía Tây Nam 1500 km (3000 lí); thành cách biển 250 km (500 lí); có sông rộng 5 km (10 lí) từ Tây bắc chảy sang Đông nhập vào biển; nước rộng 1500 km (3000 lí). Cũng theo Lương thư, phía Nam Phù Nam cách hơn 2500 km (5000 lí) có nước **Đôn Tốn**. Ngoài nước Đôn Tốn, trong vùng đất ngoài biển lớn lại có nước **Tì Khiên** cách Phù Nam 4000 km (8000 lí) (Lương Ninh 2006: 178).

- **Kinh thành**

Theo **Tân Đường thư**: “*Phù Nam...có thành quách cung thất, vua (nước đó) họ Cổ Long ở tại gác lầu trong thành và có lũy bằng cọc gỗ. Dùng lá tre để lợp nhà. Lúc vua đi ra ngoài thì cưỡi voi*” (Lương Ninh 2006: 187). Còn theo **Lương thư**: “*Vua nước đó khi đi lại đều cưỡi voi, các cung tần thị nữ cũng đều như vậy. Vua khi ngồi ngựa thì co gối một bên, còn thông gối bên trái xuống đất. Trước mặt vua trải vải*

trắng trên bày châu vàng và lư hương” (Lương Ninh 2006: 182). Ở Ốc Eo đã tìm được 1 con dấu bằng thạch anh hình nón, ngôi kiêu vua Phù Nam. Chân trái xếp bằng. Chân phải chống xiên ra bên ngoài (Lê Xuân Diễm, Đào Linh Côn, Võ Sĩ Khải 1995: 333-334).

- **Kinh tế**

Theo **Tân Đường thư** - Tân Đường thư (chữ Hán giản thể: 新唐书; phồn thể: 新唐書) là một sách lịch sử theo thể kỷ truyện trong 24 sách lịch sử Trung Quốc (Nhi thập tứ sử) do Âu Dương Tu thời Bắc Tống chủ biên cùng Tống Kỳ, Phạm Trấn, Lữ Hạ Khanh tham gia vào việc viết và biên soạn vào năm Khánh Lịch thứ 4 (năm 1044), đến tháng 7 năm Chí Hòa nguyên niên (năm 1054) thì hoàn thành. (Theo http://vi.wikipedia.org/wiki/T%C3%A2n_%C4%90%C6%B0%E1%BB%9Dng_th%C6%B0) - biên soạn vào thời Nhà Tống: “*Phù Nam... Ruộng gieo cấy 1 năm thì hái gặt 3 năm. Nước sản xuất kim cương, giống như loại thạch anh màu tím, sinh ra ở đáy nước và trên tảng đá. Người lặn xuống dưới nước để lấy lên. Có thể khắc làm ngọc. Lấy sừng dê đen để nạm ngọc vào*” (Lương Ninh 2006: 187-188). Theo **Lương thư**: “*Nước Phù Nam... sản xuất vàng bạc, đồng, thiếc, trầm hương, mộc hương, ngà voi, chim công lông biếc, anh vũ năm sắc*” (Lương Ninh 2006: 178). Còn theo **Nam Tề thư** - Nam Tề thư (chữ Hán giản thể: 南齐书; phồn thể: 南齊書) là một sách lịch sử theo thể kỷ truyện trong 24 sách lịch sử Trung Quốc (Nhi thập tứ sử) do Tiêu Tử Hiền đời Lương viết và biên soạn, tên nguyên gốc là Tề thư, đến thời Tống, để phân biệt với Bắc Tề thư của Lý Bách Dục nên đổi tên thành Nam Tề thư. (Theo http://vi.wikipedia.org/wiki/Nam_T%C6%B0%E1%BB%81_th%C6%B0) - : “*Người Phù Nam đúc vòng bằng vàng, đúc bát đĩa bằng bạc, đốn gỗ làm nhà. Vua chúa ở nhà lầu nhiều tầng có thành lũy bằng gỗ cây. Dọc bờ biển có loại trúc lá to dài 8, 9 thước - 1 thước (1 xích, tchi) = 10 tấc = 0,23 m.* (Theo http://vi.wikipedia.org/wiki/H%E1%BB%87_%C4%91o_l%C6%B0%E1%BB%9Dng_c%E1%BB%95_Trung_Hoa) - dân bện lá để lợp nhà...Nước đó có mía, an thạch lưu và quýt, có nhiều cau. Chim và thú như ở Trung Quốc” (Lương Ninh 2006: 176). Nếu chỉ tính lá dài 9 thước và mỗi thước là 0,23m: 9 thước x 0,23 m = 2,07 m. Có thể

đó là loại lá sống ở vùng nước lợ ở Nam Bộ mà người Việt gọi là lá dừa nước dùng để lợp nhà.

- **Văn hóa – Xã hội**

Theo **Lương thư**: “Phong tục dân nước Phù Nam xưa vốn ở truông, bới xõa tóc, không may quần áo, tôn một người con gái lên làm vua hiệu là Liễu Diệp, tuổi trẻ khỏe mạnh như con trai. Phía Nam nước Phù Nam có người ngoài biên ải, có người đàn ông thờ quỷ thần tên là Hồn Điền nằm mộng thấy thần ban cho cây cung, theo thuyền buôn ra biển. Buổi sáng Hồn Điền thức dậy liền đến miếu và tìm được cây cung dưới gốc cây thần và theo như trong mộng, cỡi thuyền ra biển rồi đến áp ngoài của nước Phù Nam. Người của Liễu Diệp đông, thấy thuyền đến thì muốn bắt giữ, Hồn Điền liền giương cung bắn vào thuyền của họ, tên xuyên qua một bên mạn thuyền phóng đến những kẻ theo hầu. Liễu Diệp rất sợ hãi, đem dân chúng hàng Hồn Điền. Hồn Điền liền dạy cho Liễu Diệp khoét vải luôn qua đầu, thân hình không còn trần truồng nữa, rồi cai trị nước Phù Nam, lấy Liễu Diệp làm vợ, sinh con trai, phân cho làm vương 7 ấp... Trong nước xây dựng dinh thự, lâu đài, một triều đình ăn chơi, sáng, trưa, chiều ba bốn lần tiếp khách. Dân trong nước dùng chuối, mía, rùa, chim làm lễ vật...Người nước đó ở trần, chỉ có phụ nữ mặc áo chui đầu...

Nay người dân nước đó đều đen đui, xấu xí, tóc búi, nơi ở không đào giếng, khoảng mười nhà chung nhau một cái ao để múc nước. Phong tục thờ thiên thần. Dùng đồ đồng đúc tượng thiên thần, tượng 2 mặt 4 tay, tượng 4 mặt 8 tay. Các tay đều cầm đĩa bé, hoặc chim, thú, hoặc hình Mặt Trời, Mặt Trăng. Vua nước đó khi đi lại đều cưỡi voi, các cung tần thị nữ cũng đều như vậy.

Phong tục xứ đó, khi để tang thì cắt tóc, cạo râu. Đối với người chết có 4 cách tống táng: thủy táng tức ném thi hài xuống dòng sông. Hỏa táng tức thiêu xác ra tro. Thổ táng tức chôn xuống đất. Điều táng tức bỏ xác ngoài đồng (cho chim ăn). Người tính tham lam, không có lễ nghĩa, con trai con gái tự do phóng túng theo nhau không cần lễ nghi” (Lương Ninh 2006: 178-183).

Theo **Tân Đường thư**: “Phù Nam... Dùng lá tre để lợp nhà. Lúc vua ra ngoài thì cưỡi voi. Người nước đó da đen, búi tóc, đi chân đất. Phong tục, không có trộm cướp...

Người bản xứ thích chơi gà, đấu lợn, dùng vàng, châu ngọc, hương liệu để nộp thuế. (Vua) cai trị ở thành Đặc Mục, bỗng chốc bị Chân Lạp xâm chiếm, lại càng di chuyển sâu về phía Nam đến thành Na Phạt Na.

Thời Vũ Đức (618-626) và Trinh Quán (627-649) (nhà Đường) lại đến triều đình và cống người dân Bạch đầu. Người Bạch đầu là người ở phía Tây nước Phù Nam, đều đầu trắng, da được bôi trơn như mỡ, ở trong hang đá núi, 4 bề núi cao chót vót ngăn cách, không ai đến đó được. Xứ đó tiếp giới với nước Tham Bán” (Lương Ninh 2006: 187-188).

Còn theo **Nam Tề thư**: “Dân cũng làm nhà gác để ở, làm thuyền dài 8, 9 trượng (1 trượng (市丈, zhang) = 2 bộ = 3,33 m (Theo http://vi.wikipedia.org/wiki/H%E1%BB%87_%C4%91o_l%C6%B0%E1%BB%9Dn_g_c%E1%BB%95_Trung_Hoa). Như vậy 9 trượng = 9 trượng x 3,33 m = 29,97 m), đục rộng 6, 7 thước (7 thước x 0,23 m = 1,61 m), đầu mũi và đuôi là giống như (đầu đuôi) cá... (Dân) lấy việc chơi gà, đấu lợn làm trò vui. Trong nước không có nhà tù ngục” (7 thước x 0,23 m = 1,61 m). Như vậy, thuyền của Phù Nam là loại có kích thước khá lớn, dài gần 30 m.

Ở Phù Nam, Shiva là vị thần tối cao được thờ trong Ấn Độ giáo, kế đến là thần Vishnu và Đức Phật. Tuy nhiên dần dà về sau, Đức Phật cũng bị thay thế bằng thần Shiva (Geetesh Shara 2012: 56).

Từ cuối thế kỷ VI, Phù Nam bị suy yếu dần và bị Chân Lạp, một thuộc quốc tấn công rồi xâm chiếm. Sau khi rút về phía Nam, giữ thành Na Phạt Na (Naravaranaraga, có thể là vùng đô thị - cảng Ba Thê-Óc Eo) và cầm cự một thời gian, đến đầu thế kỷ VII thì chấm dứt sự tồn tại của nước Phù Nam (Phan Huy Lê 2007: 195).

Sự suy yếu và sụp đổ của nước Phù Nam, theo Giáo sư Phan Huy Lê có 3 nguyên nhân:

- Mô hình tổ chức của đế chế Phù Nam chủ yếu dựa trên quan hệ thần phục dưới những hình thức và mức độ khác nhau với nước tôn chủ. Do quan hệ thần phục lỏng lẻo nên mỗi khi các nước thành viên phát triển và lớn mạnh thì các mâu thuẫn trong nội bộ đế chế sẽ phát sinh và làm suy yếu đế chế. Cơ chế quản lý và vận hành của đế chế Phù Nam mang nặng tính chất liên kết kinh doanh, thương mại, rất linh hoạt nhưng cũng rất lỏng lẻo.
- Bối cảnh mậu dịch khu vực từ thế kỷ V cũng có những chuyển biến bất lợi cho vị trí thương mại của Phù Nam. Do sự phát triển của nghề hàng hải và kinh tế các nước trong khu vực Đông Nam Á lục địa và hải đảo, hải trình qua eo biển Kra chuyển dần xuống phía nam qua eo biển Malacca (Maleka) và Sunda. Từ thế kỷ VI, hải trình này càng ngày càng giữ vai trò chi phối trên con đường biển từ Thái Bình Dương sang Ấn Độ Dương, từ Trung Quốc qua Đông Nam Á sang Ấn Độ. Nền mậu dịch đối ngoại của Phù Nam bị ảnh hưởng nghiêm trọng, làm suy yếu nền kinh tế của vương quốc và cả đế chế nói chung.
- Theo một số nhà địa chất học, trong giai đoạn Holocen muộn, có một đợt biển tiến quy mô nhỏ ở đồng bằng Nam Bộ, gọi là biển tiến Holocen IV khoảng từ thế kỷ IV đến giữa thế kỷ XII mà vào giữa thế kỷ VII mức nước cao trung bình là 0,8m. Nếu đợt biển tiến này được xác nhận thì đây cũng là một nhân tố thiên nhiên ảnh hưởng đến sự tồn vong của nước Phù Nam (Phan Huy Lê 2007: 195-196).

II. ÓC EO – BA THÊ

1. Những nghiên cứu trước năm 1975

Óc Eo (Ur Kêv) là tên gọi một gò đất thuộc làng Mỹ Lâm, tổng Kiên Hảo tỉnh Rạch Giá, nay thuộc thị trấn Óc Eo, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Ngày 11-4-1942, lần đầu tiên nhà khảo cổ học người Pháp Louis Malleret đến khảo sát khu vực Óc Eo. Ở khu vực này, Louis Malleret đã: khảo sát *Xóm Giồng Cát* thấy một bức tường gạch cao độ 1m, bốn tám đá bằng sa thạch có chốt mộng hoặc lỗ mộng nằm

ngôn ngang; khảo sát ở *Gò Cây Trôm*, tìm thấy một tượng Linga hiện thực (Linga d'aspect naturaliste) nằm trong bùn lầy, cao 1,73m, sau đưa vào Viện Bảo tàng Sài Gòn; khảo sát *Gò Ông Môn* (Dwl Tà Nàn) tìm thấy một tượng nam thần bằng sa thạch, được đưa vào Viện Bảo tàng Sài Gòn; khảo sát *Gò Cây Thị* (Dwl Toem Daulap) thấy các tường gạch trên chóp gò cao 4m, còn hai bên dốc gò, nằm ngôn ngang nhiều viên gạch có kích thước lớn, dấu vết của một ngôi đền xưa; khảo sát *Gò Ốc Eo*, nơi bị dân đào phá rất nhiều, có thể nhận ra những đoạn tường vừa bị phát lộ. Ngoài khảo sát thực địa, Louis Malleret còn tiếp thu từ việc khảo sát bằng máy bay của Pierre Paris từ năm 1931 đến năm 1942, phát hiện 5 con kênh và bản thân Louis Malleret cũng đi khảo sát bằng máy bay, phát hiện thêm 23 con kênh khác. Trong đó quan trọng nhất và dài nhất, 110km, là con kênh nối Ankor Borei với Ốc Eo đến bán đảo Cà Mau. Louis Mallret đã tiến hành khai quật di tích Gò Cây Thị thuộc khu vực Ốc Eo trong 3 tháng mùa khô năm 1944. Nhờ những hoạt động khảo sát và khai quật khảo cổ, Louis Malleret đã xác định thành phố Ốc Eo (La ville d'Oc-èo) có hình chữ nhật to lớn, dài 1500m rộng 300m, được 450 ha. Xung quanh thành phố này trong vòng 20km có 5 di tích và di tích thứ 6 cách 40km, hầu hết thuộc miền thấp trũng: *Lung Giếng Đá* và *di tích Tà Kêv* cách khu di tích Ốc Eo 12km về phía Tây Nam (nay thuộc xã Tân Hội, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang); di tích *Lung Lổ - Mô* (nay thuộc xã Mỹ Tú, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang); di tích *Lung Mốp Vần* cách núi Ba Thê 8km về phía Tây Bắc (nay thuộc xã Mỹ Lâm, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang); di tích *Tráp Đá* cách núi Ba Thê 12km về phía Đông Bắc (nay thuộc xã Định Mỹ, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang); di tích *Định Mỹ* cách Núi Sập 3km về phía tây Bắc (nay thuộc xã Định Mỹ, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang); di tích *Lung Giày Mé* cách kênh Núi Sập –Ba Thê 2km về phía Bắc (nay thuộc xã Vọng Thê, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang). Trong đó, theo đoán định của Louis Malleret, di tích Ta Kêv là diềm cửa khẩu ở đầu kênh, là tiền cảng, nơi giáp với bờ biển cũ (Louis Malleret 1959: 98-124).

Ba Thê (Pad The) là một khu di tích tập trung chủ yếu ở phía Bắc, phía Đông và phía Nam sườn núi Ba Thê, cách khu di tích Ốc Eo 1500m về phía Đông Nam. Bác sĩ Thủy quân A. Corre là người đầu tiên đến Ba Thê và có một bản báo cáo ngày 19-12-1879 đăng trong tạp chí Excursions et Reconnaissances (Du ngoạn và Nhận biết). Bác sĩ Corre đã phát hiện hai bia ký bằng chữ Phạn. Sau năm 1912, hai bia ký này chuyển vào đặt hai bên chính điện chùa Linh Sơn. Sự thật là chỉ có tám bia đặt bên phải của

Phật ở chính điện là có chữ. Tháng giêng năm 1912, trong khi san bằng mô đất ở sườn núi phía Đông Bắc để xây dựng ngôi đình, ở độ sâu 2m, người ta đã phát hiện tượng Vishnu đội mũ trụ có bốn tay nằm theo hướng Bắc Nam. Pho tượng Vishnu này đã được chuyển về chùa Linh Sơn, cách nơi phát hiện 1200m về phía Nam, sau thay đổi thành Phật bốn tay, vị Phật chính trong chùa. Ngày 27-2-1922, H. Parmentier và L. Finot đến thăm Ba Thê và đã phát hiện mi cửa (linteaux) bằng sa thạch đặt vào mặt trước của bàn thờ chùa Linh Sơn. Năm 1928, viên quan Duvernoy đã cho gỡ ra và đã giao cho Viện Bảo tàng Sài Gòn, theo yêu cầu của Jean Bouchot. Suzanne Karpelès cũng đã đến thăm Ba Thê vào tháng giêng, tháng 2 năm 1928 và trong báo cáo ngày 15-3-1928 có ghi chép về những hiện vật như: 2 tượng bán thân bằng sa thạch xám trong đó có một tượng nữ (cao 0,25m) và một tượng có 4 tay (cao 0,70m), 1 tượng thần Surya đội mũ có vàng hào quang trên đầu, 1 tượng linga nhỏ... Năm 1928, nhân dịp khánh thành Viện Bảo tàng Blanchard de la Brosse (nay là Bảo tàng Lịch sử TP. Hồ Chí Minh), Jean Bouchot có cho chở từ Ba Thê về Sài Gòn những hiện vật như: mi cửa, tượng thần Surya, tượng mukhalinga, tượng linga. Năm 1936, phó tỉnh Long Xuyên Fraisse có gửi về Sài Gòn đầu tượng Hari-Hara. Trước ngày 9-3-1945, L. Malleret đã phát hiện 14 vết tích mà trước đó chưa biết xung quanh núi Ba Thê, chủ yếu ở phía Bắc, phía Đông và phía Nam. Louis Malleret cho rằng, chắc là ngày xưa có nhiều quan hệ giữa hai địa điểm Óc Eo và Ba Thê và sau khi Óc Eo bị phá hủy, có lẽ cư dân ở đây đã dời lên triền núi để tránh nước lụt (Louis Malleret 1959: 75-92).

2. Những nghiên cứu sau năm 1975

Sau năm 1975, nhiều cuộc khai quật được thực hiện trong khu di tích Óc Eo. Năm 1983 khai quật một số “Gò Đá” như Gò A1 (Gò Cây Cốc), Gò A2, Gò A3 (Gò Song Đôi), Gò A5, Gò A6, Gò A7, Gò Đôi 1, Gò Đôi 2. Các Gò Đá này, theo những người trực tiếp khai quật là có kiến trúc giống nhau, đều dùng đá, cát để xây thành khối kiến trúc hình vuông, trong lòng rộng đổ đầy cát trắng và được xác định là những ngôi mộ cổ (Nguyễn Văn Long 1984: 189-198). Năm 1983 khai quật di tích kiến trúc cổ Gò Cây Trôm và được những người khai quật xác định Gò Cây Trôm là một kiến trúc lộ thiên, không tường, không mái che, “có thể đoán chắc đây là di tích thờ cúng thần linh, là nơi tưởng niệm, cầu may, cầu phúc” (Đỗ Đình Truật 1984: 211). Trong hai năm 1982 và 1983, các nhà khảo cổ học Việt Nam cũng đến khai quật di tích Nền

Chùa (Tân Hội – Kiên Giang), nơi L. Malleret gọi là di tích Ta Kê và xác định là cửa khẩu, là tiền cảng của thành phố Óc Eo. Tại nền chùa, những người trực tiếp khai quật xác định “*Khu mộ táng Nền Chùa – Tân Hội phân bố trên phạm vi rộng tới hàng chục ha*” (Đào Linh Côn 1984: 187). Năm 1999 khai quật di tích Gò Cây Thị và được những người khai quật xác định “*Di tích Gò Cây Thị thuộc loại kiến trúc cung đình mang tính chất tôn giáo*” (Võ Sĩ Khải, Đào Linh Côn 2004: 219).

Ở khu vực Ba Thê, trong hai năm 1998 và 1999 khai quật di tích Linh Sơn Nam. Những người trực tiếp khai quật nhận định “*Kiến trúc Linh Sơn Nam là một kiến trúc lớn thể hiện mỹ thuật xây dựng bằng đá và gạch vào thời đại Óc Eo và hậu Óc Eo...Đây là loại kiến trúc cung đình mang tính chất tôn giáo, có quan hệ với khối kiến trúc hiện nằm trong gò núi dưới nền chùa Linh Sơn ở phía Bắc và với những di tích đã được ghi nhận trên triền núi phía đông băng qua đường lộ và kéo dài tận chân núi*” (Võ Sĩ Khải 2004: 264-265).

Qua việc nghiên cứu lại những hiện vật, kiểm tra lại những địa điểm mà L. Malleret phát hiện, cho đến việc phát hiện mới và tiến hành khai quật di tích, một số nhà khảo cổ học Việt Nam nêu lên những quan điểm như:

- Những gò nổi ở khu Óc Eo là gò nhân tạo.
- Gò Cát, gò Cây Trôm, gò Cây Thị, gò Mồ Côi, gò Sali...có móng khá kiên cố, dùng đất sét nện chắc, lại gia cố bằng những tảng đá lớn nhỏ, có mặt nền hình chữ nhật lát toàn gạch; có bờ tường rộng ngăn chia nền thành nhiều ngăn, nhiều ô hình chữ nhật, hình vuông...có nhiều khả năng là kiến trúc để thờ cúng.
- Gò A1, gò Song Đôi, gò Đôi và các gò A2, A5, A6, A7...trong lòng khối kiến trúc có một học hình vuông, dưới đáy có ít hiện vật hoặc than tro... Là di tích của những ngôi mộ cổ, những lăng tẩm xưa.
- Óc Eo – Ba Thê không phải chỉ có hình ảnh của một đô thị, mà còn có dấu tích phổ biến của một trung tâm tôn giáo – văn hóa lớn, trung tâm quyền lực lớn trong giai đoạn từ thế kỷ V đến thế kỷ VII (Lê Xuân Diệm 1984: 213-221).

Những năm gần đây, khi thực hiện hai đề tài nghiên cứu *Những di tích khảo cổ học thời tiền Óc Eo ở Tây Nam Bộ* và *Các trung tâm tôn giáo thuộc văn hóa Óc Eo ở Nam Bộ*, nhóm chúng tôi có đến khu di tích Óc Eo – Ba Thê, khai quật Gò Tư Trăm, nghiên cứu các di tích và những di vật tìm được ở đây. Chúng tôi cho rằng không chỉ

khu Ốc Eo là một đô thị như Louis Malleret đề xuất, mà ***cả khu Ốc Eo – Ba Thê là một đô thị với tiền cảng Nền Chùa (Ta Kêv)***. Sau khi Phù Nam sụp đổ, cư dân ở đây vẫn tiếp tục sinh sống cho đến thế kỷ XII, chứng cứ là lớp trên di tích Gò Tư Trăm có diềm ngói hoa văn hình người ngồi, có hộp gốm men ngọc hình trái bí. Khu vực này đã trải qua ba giai đoạn phát triển như sau:

- **Giai đoạn sớm** (thế kỷ II BC – III AD) - (Mẫu OE83 – GD – TS1 – 01: 2120 ± 40 BP = 170 BC. Theo Lê Xuân Diệm, Đào Linh Côn, Võ Sĩ Khải 1995: 431). Kiến trúc đền thờ xây bằng đá và cũng bắt đầu xuất hiện những trụ gạch, gạch có kích thước lớn màu đỏ, đỏ nhạt (loại gạch đất sét trộn ít sạn đầu ruồi). Ở phần trung tâm xây trụ gạch dạng chữ Vạn (Swastika), trụ thiêng, dưới cùng có đặt hiện vật, thường là bằng vàng có hình ảnh của các vị thần, là một tập tục cổ xưa ở Ấn Độ, dạng seima (mà một vài người lầm tưởng là mộ táng). Một vài nơi xuất hiện giếng thần (Sacred Well) như ở Gò Cây Thị - An Giang.
- **Giai đoạn phát triển** (thế kỷ IV – đầu thế kỷ VII). Kiến trúc đền thờ trùng tu tôn tạo nâng cao kiến trúc cũ hay xây mới, xây bằng đá và gạch, gạch có kích thước lớn màu đỏ, đỏ nhạt (loại gạch đất sét trộn sạn đầu ruồi). Trên đền đặt tượng thần Mặt Trời Surya (có thể ở Gò Cây Thị), Vishnu, Linga hiện thực, Linga 3 tầng (Brahma bên dưới, Vishnu ở giữa và Shiva bên trên) hay Liga – Yoni và có rãnh thoát nước Somasutra (Nam Linh Sơn), tượng Hari – Hara bằng đá. Tiếp tục sử dụng giếng thần.
- **Giai đoạn muộn** (giữa thế kỷ VII – XII). Chủ yếu là sử dụng nâng cấp các đền thờ cũ, gạch có kích thước nhỏ màu vàng nhạt hay trắng ngà (loại gạch đất sét trộn cát hạt to và trộn cát hạt nhỏ). Tiếp tục sử dụng giếng thần (Gò Cây Thị, Gò Minh Sư – Đồng Tháp, Gò Đồn – Long An), và sau đó, một số nơi có xây tháp cao thờ Shiva. Trên đền đặt tượng, đặt tượng thần Mặt Trời Surya (có thể ở Gò Cây Thị), thần Vishnu (có thể ở chùa Linh Sơn), Linga 2 tầng (Shiva), Linga 1 tầng dính liền với Yoni (Shiva).

III. VỊ TRÍ CỦA ỐC EO – BA THÊ

1. Vị trí của Ốc Eo – Ba Thê trong vương quốc Phù Nam

Từ năm 1957, Goerges Coedes, Giám đốc Học viện Viễn Đông Pháp, đã giới thiệu *Di chỉ Óc Eo – cảng cổ của Vương quốc Phù Nam* (Le site de Go Oc Eo, Ancient port du Royaume de Founan) (G. Coedes, 1957, *Le site de Go Oc Eo, Ancient port du Royaume de Founan*, Artibus Asiae, Vol/3. Dẫn theo Lương Ninh 2011: 39). Sau đó, năm 1959, Louis Malleret đã xác định *Thành phố Óc Eo* (La ville d’Oc-èo) khá lớn, dài 1500m rộng 300m (450 hecta), có cửa khẩu, tiền cảng là Ta Kê. Còn theo John N. Miksic, Óc Eo có vai trò lịch sử quan trọng: có chữ viết sớm nhất trong khu vực Đông Nam Á; là nơi độc nhất vô nhị có đầy đủ các loại hình di tích khảo cổ cổ xưa ở Đông Nam Á; có một nền thương mại rộng rãi, có tôn giáo và những hoạt động nghệ thuật, không có gì khác mà có thể tìm được trong khu vực Đông Nam Á. Có được như vậy, vì thương mại của Đông Nam Á cổ với Ấn Độ đã có hàng trăm năm, trước khi Óc Eo trở thành thành phố quan trọng bắt đầu từ thế kỷ thứ II (John N. Miksic 2003: 2-3). Chúng ta có thể tìm thấy những chứng cứ cho hoạt động thương mại sớm này, vài trăm năm trước Công nguyên, như việc tìm thấy những đồ trang sức bằng thủy tinh gồm vòng tay, hạt chuỗi, khuyên tai hai đầu thú ở Giồng Cá Vồ (Thành phố Hồ Chí Minh) hay trong các di tích thuộc văn hóa Sa Huỳnh. Đặc biệt, trận lũ lịch sử năm 2009 đã làm lộ rõ một khu lò nấu thủy tinh cổ thuộc văn hóa Sa Huỳnh, nằm kề bờ sông Kỳ Lộ, thuộc thôn Tân An, xã Xuân Nam Sơn, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên mà chúng tôi có dịp đến khảo sát. Kiểu dáng lò nấu thủy tinh này hoàn toàn giống với lò nấu thủy tinh cổ ở Ấn Độ, mà có người lầm tưởng là khu di tích lò - mộ bằng đất nung đầu tiên được phát hiện tại Việt Nam (<http://www.baotintuc.vn/158N20101224104120170T0/khu-di-tich-lomoco-nien-dai-tu-the-ky-13.htm>). Gần đây, năm 2007, Giáo sư Phan Huy Lê cho điều chắc chắn là *đô thị-cảng Óc Eo* luôn luôn giữ vai trò trung tâm kinh tế văn hóa quan trọng và là trung tâm mậu dịch quốc tế lớn nhất của Phù Nam và cả vùng Đông Nam Á lục địa (Phan Huy Lê 2007: 188 và 194), và năm 2011, Giáo sư Lương Ninh đã xem *Óc Eo – cảng thị quốc tế của Vương quốc Phù Nam* (Lương Ninh 2011: 39-44).

Bennet Bronson, người tham gia khai quật Beithano – Myanmar, qua *Báo cáo khai quật Beithano* (Report on the Excavation at Beithano) công bố năm 1996 đã cho rằng ở Đông Nam Á có bốn khu di tích cổ là *Óc Eo*, *U Thong*, *Chansen* (bờ sông Chao Phraya, Thái Lan) và *Beithano* (thượng lưu sông Salween, Myanmar), thì chỉ có hai nơi là có thể coi là *đô thị theo quy mô của nó* (Urban in size) ở thời kỳ sớm là *Óc Eo*

và *Beithano* (Bennet Bronson 1996: *Report on the Excavation at Beithano*, Aung Thaw, Rangoon, Asian perspectives – 12. Dẫn theo Lương Ninh 2011: 68).

Từ năm 1942 đến năm 1945, Louis Malleret đã sưu tầm được 1311 hiện vật vàng, khoảng 1120 gram, trong đó có 918 hạt dây chuyền và mấy đồng tiền vàng. Louis Malleret không thể mua tất cả do khả năng có hạn, hoặc vì đã có những bản tương tự, nhưng nếu tính cả những hiện vật mà ông đã quan sát và đã cân thì tổng trọng lượng gần 2kg vàng (Louis Malleret 1962: 3).

Những hiện vật mà Louis Malleret tìm được ở Óc Eo không chỉ giúp xác định vị trí cảng thị của Óc Eo trong vương quốc Phù Nam, có quan hệ giao lưu rộng rãi với thế giới Đông Á, Nam Á và cả Tây Á, La Mã, trong đó ảnh hưởng Ấn Độ sâu đậm nhất (Phan Huy Lê 2007: 193), mà còn giúp xác định niên đại cho Phù Nam. Đó là niên đại của hai chiếc huy chương vàng có đúc hình và tên hai vị vua La Mã là Antonius Pius (138-161) và Marcus Aurelius (161-180); niên đại được đoán định vào thế kỷ thứ II – V của dạng chữ Brahmi (Ấn Độ cổ) lưu lại trên 36 con dấu, con niêm, vật đeo, vòng bằng đồng, thiếc, vàng, đá mã não đỏ; niên đại của hai chiếc gương đồng Trung Quốc “Chiêu Minh kính”, “Vị trí tam công” vào khoảng thế kỷ I – III; niên đại của tượng Phật bằng đồng có phong cách nghệ thuật thời Bắc Ngụy, khoảng thế kỷ IV – VI (Lê Xuân Diệm 2008: 318).

Những di tích quan trọng ở Óc Eo – Ba Thê sử dụng trong suốt thời kỳ vương quốc Phù Nam như đền thần Mặt Trời Gò Cây Thị, đền thần Shiva Gò Cây Trôm, đền thần Shiva Nam Linh Sơn Tự, đền thần Vishnu Chùa Linh Sơn... Những hiện vật tìm được trong thời kỳ này – giai đoạn sớm và giai đoạn phát triển – như: Linga hiện thực, tượng thần Mặt Trời Surya, tượng thần Vishnu, Mukha-Linga ba tầng, Yoni... bằng đá, tượng Phật bằng đồng, tượng bò thần Nandin bằng thiếc, đang trưng bày ở Bảo tàng Lịch sử - TP. Hồ Chí Minh; tượng thần Brahma Giồng Xoài bằng đá, tượng Phật Gò Cây Thị bằng đồng niên đại nửa đầu thế kỷ V, tượng Phật Giồng Xoài bằng gỗ (Lê Xuân Diệm, Đào Linh Côn, Võ Sĩ Khải 1995: 271-285)... đang trưng bày ở Bảo tàng An Giang.

Khu di tích Óc Eo – Ba Thê trong vương quốc Phù Nam, cho đến nay không chỉ được nhìn nhận là địa điểm khảo cổ có quy mô rộng lớn nhất, tập trung nhiều di tích nhất, di tích đa dạng nhất mà còn có tổ hợp di vật lớn nhất về số lượng, đa dạng nhất

về chủng loại, cao cấp nhất về trình độ kỹ thuật, về thẩm mỹ nghệ thuật. Nơi đây, không chỉ là chốn đô hội lớn, một cảng thị, mà còn là một trung tâm chính trị, kinh tế - văn hóa lớn của vương quốc Phù Nam (Lê Xuân Diệm 2008: 331-332). Riêng đồ trang sức bằng vàng ở đây khá phong phú về đề tài trang trí, về kỹ thuật và số lượng, khiến chúng ta phải ngỡ đây là kết tinh của một nền văn minh vật chất khá cao, trong một hoàn cảnh kinh tế thịnh vượng, cơ sở để văn hóa và nghệ thuật phát triển, khác hẳn các hiện vật tương tự tìm thấy ở Angkor Borei và ở Khbal Roméas, gần Kampot (Louis Malleret 1962: 4).

Một số học giả tin rằng Angkor Borei (có vĩ độ $10^{\circ} 59' 19.61''$ và kinh độ $104^{\circ} 58' 38.16''$, cách Gò Cây Thị thuộc thị trấn Óc Eo – An Giang 86,26km, cách biên giới Việt Nam 11,22km, cách Thị xã Châu Đốc 35,13km, cách thành phố Long Xuyên 83,54km về phía Bắc và cách bờ biển 85,49km – nay là thị trấn Angkor Borei, thuộc huyện Angkor Borei, tỉnh Takeo) là thủ đô của Phù Nam (Miriam T. Stark 2003: 91). Để tìm câu trả lời này, bước đầu có một *Dự án Khảo cổ học hạ lưu sông Mê Công* (Lower Mekong Archaeological Project - LOMAP) thực hiện tại Angkor Borei, từ 1995-2000. Những cuộc khai quật từ Dự án, đặc biệt là cuộc khai quật thực hiện trong tháng ba và tháng tư năm 1999, nhằm vào 3 địa điểm quan trọng: 1) Các gò đất nay thuộc khu vực Wat Komnou; 2) Bức tường thành phố cổ; 3) Các tính năng nước cổ với hào và hồ chứa (Miriam T. Stark 2003: 98). Qua những kết quả nghiên cứu ở Angkor Borei, cho thấy số lượng di tích và di vật tìm được ở đây, không thể so với Óc Eo – Ba Thê, đặc biệt là những di vật gắn với thương mại. Có thể nói, Angkor Borei có nhiều căn cứ là kinh đô của Phù Nam (Phan Huy Lê 2007: 188).

2. Vị trí của Óc Eo – Ba Thê trong hậu Phù Nam

Sau khi Vương quốc Phù Nam sụp đổ vào đầu thế kỷ VII, cư dân cổ ở Nam Bộ vẫn tiếp tục cuộc sống cho đến thế kỷ XII mà nhiều nhà nghiên cứu Việt Nam gọi là thời kỳ hậu Óc Eo hay hậu Phù Nam. Về danh nghĩa, Nam Bộ thời kỳ này bị đặt dưới quyền kiểm soát của Chân Lạp. Nhưng do có nhiều khó khăn, việc cai trị xứ Chân Lạp vẫn phải giao cho những người thuộc dòng dõi Vua Phù Nam (Vũ Minh Giang (chủ biên) 2008: 23). Chứng cứ cho sự phát triển liên tục của hai thời kỳ Phù Nam và hậu Phù Nam có thể ghi nhận sau:

- Di tích Gò Tur Trăm (thị trấn Ba Thê, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang), nằm kề chân núi Ba Thê, đã qua bốn lần khai quật (năm 2002, 2005, 2008, 2011). Năm 2002, Trung tâm nghiên cứu khảo cổ học - Viện khoa học xã hội vùng Nam Bộ (nay là Viện Khoa học Xã hội vùng Nam Bộ) phối hợp với Trường Viễn Đông Bác Cổ (Cộng hoà Pháp) và Bảo tàng An Giang tiến hành khai quật lần thứ nhất; năm 2005, Trung tâm nghiên cứu Khảo cổ học - Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ phối hợp với Trường Đại học Sophia Nhật Bản và Bảo tàng An Giang tiến hành khai quật lần thứ hai; năm 2008, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh An Giang đã phối hợp với Bảo tàng An Giang cùng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh khai quật di tích Gò Tur Trăm lần thứ ba; và năm 2011, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh An Giang đã phối hợp với Bảo tàng An Giang cùng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh khai quật di tích Gò Tur Trăm lần thứ tư. Kết quả khai quật lần thứ hai, qua nghiên cứu gốm và ngôi cùng phương pháp địa tầng, nhà khảo cổ học Nhật Bản Yuko Harino đã thông báo tại Đại hội Tiền sử Ấn Độ - Thái Bình Dương lần thứ 19 - IPPA 19 (19th Indo – Pacific Prehistory Association Congress) tổ chức ở Hà Nội từ 29 tháng 11 đến 5 tháng 12 năm 2009. Theo Yuko Harino, Gò Tur Trăm có ba giai đoạn: *Giai đoạn sớm* (Early Stage) (thế kỷ 1 BC – 3 AD): gốm tô màu đen hay gốm tô màu đỏ, ấm Kendi tô màu đỏ ở phần vai, ngôi hình lá đề hình chữ nhật trên có 7, 8 rãnh thoát nước. Niên đại C¹⁴ 2020 ± 80 BP; *Giai đoạn phát triển/ điển hình* (Developing/ Typical Stage) (thế kỷ 3/4 - 6): ngôi phẳng có móc một bên, dưới mặt ngôi có dấu văn in, trên có 4, 5 rãnh thoát nước; *Giai đoạn muộn* (Late Stage) (thế kỷ 7 - 12): ngôi ống có móc, diềm ngôi (Eave-tile) có hình hoa sen, hình người ngồi (Yuko Harino, 2009, The study of the cultural exchange of Oc Eo cultural sites in Mekong delta: from pottery and roof tiles found from Go Tu Tram site (2005-2006), bài đọc tại Đại hội Tiền sử Ấn Độ - Thái Bình Dương lần thứ 19 - IPPA 19 (19th Indo – Pacific Prehistory Association Congress) tổ chức ở Hà Nội từ 29 tháng 11 đến 5 tháng 12 năm 2009). Chúng tôi khai quật Gò Tur Trăm hai lần vào năm 2008 và 2011 và đồng ý với việc chia ba giai đoạn phát triển ở di tích Gò Tur Trăm của Yuko Harino. Ở đây chúng tôi muốn nói thêm, Gò Tur Trăm là khu vực cư trú kề chân núi Ba

Thê với kiến trúc hỗn hợp đá, gạch và ngói. *Giai đoạn sớm*, gồm tô màu đen có nguồn gốc từ di tích Gò Ô Chùa (Long An) và gốm tô màu đỏ có nguồn gốc từ di tích An Sơn (Long An). Gò Ô Chùa và An Sơn là hai di tích có niên đại sớm hơn Gò Tur Trăm, thuộc giai đoạn tiền Óc Eo (Pre Oc Eo). Niên đại C^{14} của Gò Tur Trăm qua lần khai quật (2008) là 1500 ± 80 BP và 1370 ± 50 BP (Đặng Văn Thắng, Võ Thị Ánh Tuyết, Văn Ngọc Bích 2009). *Giai đoạn muộn*, tìm được hộp gốm men ngọc hình trái bí thuộc gốm Khmer, niên đại thế kỷ XII. Ở Gò Tur Trăm, qua khai quật, tìm được gạch loại 2, kích thước lớn màu đỏ, chất liệu là đất sét pha sạn đầu ruồi, thuộc *giai đoạn phát triển* nằm ở các tầng văn hóa giữa. Gạch loại 3 màu đỏ nhạt, kích thước nhỏ hơn, chất liệu là đất sét pha cát hạt to và gạch loại 4 màu đỏ nhạt, kích thước nhỏ, chất liệu là đất sét pha cát hạt mịn (Đặng Văn Thắng 2012: 772-776), thuộc *giai đoạn muộn* nằm ở các tầng văn hóa trên (Đặng Văn Thắng, Võ Thị Ánh Tuyết 2011).

- Những ngôi đền Hindu giáo ở Óc Eo – Ba Thê, sử dụng từ thời Phù Nam được tôn tạo và tiếp tục sử dụng vào thời hậu Phù Nam, có thể nhận ra qua những loại gạch xây dựng trong kiến trúc (loại 2, loại 3, loại 4) và thường nổi cao lên so với khu vực xung quanh. Đền thần Mặt Trời Surya Gò Cây Thi, đền thần Shiva Gò Cây Trôm, năm 1942, Louis Malleret đã tìm thấy 1 Linga cao 1,73m làm từ sa thạch theo phong cách hiện thực ở chân gò phía Tây Nam, có niên đại thế kỷ V, và mang về Viện Bảo tàng Sài Gòn (Nay là Bảo tàng Lịch sử TP. Hồ Chí Minh) (Khu Óc Eo); đền thần Shiva Linh Sơn Nam tìm thấy ba tầng Somasutra, đền thần Vishnu chùa Linh Sơn (Khu Ba Thê) là những ngôi đền còn hoạt động trong giai đoạn hậu Phù Nam. Có thể ghi nhận những hiện vật của giai đoạn này như tượng thần Surya Ba Thê niên đại nửa sau thế kỷ VII (Louis Malleret 1959: 412-415), tượng thần Brahma Ba Thê có niên đại nửa sau thế kỷ VII (Louis Malleret 1959: 410-412), Linga-Yoni dính liền, đầu thần Hari-Hara niên đại thế kỷ VII (Louis Malleret 1959: 409-410), mi cửa...bằng đá.

Trong hậu Phù Nam còn có những di tích và di vật ở những nơi khác như: đền thần Mặt Trời Surya Bà Chúa Xứ, đền thần Vishnu Gò Tháp với 2 tượng thần Vishnu bằng đá, có niên đại thế kỷ VI – VII và VII - VIII (Lê Thị Liên 2006: 69-73), đền thần Shiva Gò Minh Sư ở khu vực Gò Tháp có giếng thần trước đền, huyện Tháp Mười,

tỉnh Đồng Tháp; đền thần Mặt Trời Gò Năm Tước, đền thần Shiva Gò Đồn, với nhiều hiện vật tìm được như linga, yoni, thần giữ cửa – Dravapala, mi cửa, máng nước thiêng somasutra, tháp Phật giáo Gò Xoài với hiện vật bằng vàng như Pháp Thân kệ có niên đại vào khoảng thế kỷ VIII-IX (Hà Văn Tấn 1994: 318-319), có những bông sen vàng, 8 lá vàng chạm hình voi (Vương Thu Hồng 2012: 778-780) ở khu vực Bình Tả, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An; khu đền Gò Thành, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang với giai đoạn đầu đền thần Vishnu, có giếng thần như ở Gò Đồn (Long An), ở An Lợi (An Giang) (Trong năm 2011 và 2012, các nhà khảo cổ học còn tìm thấy giếng thần ở khu di tích Chàm Phong Lệ ở phường Hòa Thọ Đông, quận Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng) tìm được vàng hình hoa sen, hoa súng và giai đoạn sau gồm đền thần Vishnu, tìm được tượng thần Vishnu bằng đá và đền thần Shiva và hiện vật tìm được như linga, Yoni, Ganesa, Somasutra bằng đá.

So sánh Óc Eo – Ba Thê với những khu vực khác giai đoạn hậu Phù Nam ở Nam Bộ (Gò Tháp – Đồng Tháp, Bình Tả - Long An, Gò Thành – Tiền Giang) thì khu vực Óc Eo - Ba Thê vẫn là khu vực rộng lớn nhất, nhiều di tích và di vật nhất và cũng là khu vực giàu có nhất (nhà kiến trúc đá, gạch, ngói ống) trong toàn khu vực. Điều đáng tiếc cho Óc Eo – Ba Thê là ở đây không có tháp gạch cao của thần Shiva, thuộc thời kỳ muộn, như tháp Vĩnh Hưng (Bạc Liêu) (Trong đợt khai quật năm 2002 đã tìm được đầu thần Shiva bằng đá), tháp Bình Thạnh (Tây Ninh) – qua khai quật đã nhận ra khu tháp Bình Thạnh, ít nhất có hai giai đoạn sớm muộn khác nhau: nền móng thấp, có giếng thần là giai đoạn sớm (thế kỷ VII – VIII) thần Vishnu và Shiva và tháp còn thấy hiện nay là giai đoạn muộn (thế kỷ IX – X), tháp thần Shiva (Phạm Như Hồ 1996: 68-72).

TÀI LIỆU DẪN

1. ĐÀO LINH CÔN 1984. *Những loại hình mộ táng ở di tích Nền Chùa (Tân Hội – Kiên Giang)*. Văn hóa Óc Eo và các văn hóa cổ ở đồng bằng sông Cửu Long. Sở Văn hóa và Thông tin An Giang xuất bản, Long Xuyên, trang 184-188.
2. ĐẶNG VĂN THẮNG, VÕ THỊ ÁNH TUYẾT, VĂN NGỌC BÍCH 2009. *Báo cáo khai quật Gò Tư Trăm lần thứ III (tháng 1-2008)*. Tư liệu Bảo tàng An Giang.

3. ĐẶNG VĂN THẮNG, VÕ THỊ ÁNH TUYẾT 2011. *Báo cáo khai quật di tích Gò Tư Trăm II (05/2011)*. Tư liệu Bảo tàng An Giang.
4. ĐẶNG VĂN THẮNG 2012. *Gạch Ốc Eo – nhận dạng và nhận thức*. Những phát hiện mới về Khảo cổ học năm 2011. Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, trang 772-776.
5. ĐỖ ĐÌNH TRUẬT 1984. *Khai quật di tích kiến trúc cổ ở Gò Cây Trôm (Ốc Eo – An Giang)*. Văn hóa Ốc Eo và các văn hóa cổ ở đồng bằng sông Cửu Long. Sở Văn hóa và Thông tin An Giang xuất bản, Long Xuyên, trang 206-212.
6. HÀ VĂN TẤN 1994. *Từ minh văn trên lá vàng ở Gò Xoài (Long An) bàn thêm về Pháp Thân kệ*. Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1993. Nxb. Khoa học Xã hội, trang 318-319.
7. YUKO HARINO 2009. The study of the cultural exchange of Oc Eo cultural sites in Mekong delta: from pottery and roof tiles found from Go Tu Tram site (2005-2006), bài đọc tại Đại hội Tiền sử Ấn Độ - Thái Bình Dương lần thứ 19 - IPPA 19 (19th Indo – Pacific Prehistory Association Congress) tổ chức ở Hà Nội từ 29 tháng 11 đến 5 tháng 12 năm 2009.
8. HỘI KHOA HỌC LỊCH SỬ VIỆT NAM 2008. *Văn hóa Ốc Eo và vương quốc Phù Nam*. Kỷ yếu Hội thảo khoa học nhân 60 năm Phát hiện văn hóa Ốc Eo (1944-2004). Nxb. Thế Giới.
9. LÊ XUÂN DIỆM 1984. *Ốc Eo – Một đô thị xưa hay một trung tâm văn hóa cổ ?*. Văn hóa Ốc Eo và các văn hóa cổ ở đồng bằng sông Cửu Long. Sở Văn hóa và Thông tin An Giang xuất bản, Long Xuyên, trang 213-221.
10. LÊ XUÂN DIỆM, ĐÀO LINH CÔN, VÕ SĨ KHAI 1995. *Văn hóa Ốc Eo – Những khám phá mới*. Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
11. LÊ XUÂN DIỆM 2008. *Ba mươi năm khám phá và nghiên cứu văn hóa Ốc Eo*. Một số vấn đề khảo cổ học ở miền Nam. Nxb. Khoa học Xã hội, trang 303-336.
12. LÊ THỊ LIÊN 2006. *Nghệ Thuật Phật giáo và Hindu giáo ở Đồng bằng sông Cửu Long trước thế kỷ X*. Nxb. Thế Giới.
13. LÊ HƯƠNG 1974. *Sử liệu Phù Nam*. Nguyên Nhiều.
14. LƯƠNG NINH 2006. *Nước Phù Nam*. Nxb. Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.
15. LƯƠNG NINH 2011. *Tiền tệ Phù Nam*. Khảo cổ học, số 2 – 2011, trang 68-76.
16. LƯƠNG NINH 2011. *Ốc Eo – Cảng thị quốc tế của Vương quốc Phù Nam*. Khảo cổ học, số 3 – 2011, trang 39-44.
17. LOUIS MALLRET 1959. *L'Archéologie du delta du Mékong*, tome premier : L'Exploration Archéologique et les fouilles d'Oc-èo. École Française D'Extrême Orient, Paris.

18. LOUIS MALLRET 1962. *L'Archéologie du delta du Mékong*, tome troisième : La culture du Founan. École Française D'Extrême Orient, Paris.
19. LOUIS MALLRET 1969. *Khảo cổ học đồng bằng sông Cửu Long*, tập I, bản dịch của Viện bảo tàng Lịch sử Việt Nam.
20. LOUIS MALLRET 1970. *Khảo cổ học đồng bằng sông Cửu Long*, tập III, bản dịch của Viện bảo tàng Lịch sử Việt Nam.
21. JOHN N. MIKSIC 2003. *The Beginning of Trade in Ancient Southeast Asia: The Role of Oc Eo and the lower Mekong River*. Art and Archaeology of Funan, Pre-Khmer Kingdom of the Lower Mekong Valley. Orchid Press, Bangkok, 1-33.
22. NGUYỄN VĂN LONG 1984. *Khai quật những "Gò Đá" ở khu di tích Óc Eo (Thoại Sơn – An Giang)*. Văn hóa Óc Eo và các văn hóa cổ ở đồng bằng sông Cửu Long. Sở Văn hóa và Thông tin An Giang xuất bản, Long Xuyên, trang 189-198.
23. PHẠM NHƯ HỒ 1996. *Tháp Bình Thạnh (Tây Ninh) trong bối cảnh tháp cổ Nam Bộ*. Khảo cổ học, số 4-1996, trang 68-72.
24. PHAN HUY LÊ 2007. *Lịch sử và văn hóa Việt Nam – Tiếp cận bộ phận*. Nxb. Giáo Dục.
25. GEETESH SHARA 2012. *Những dấu vết văn hóa Ấn Độ tại Việt Nam*. Thích Trí Minh dịch. Nxb. Văn hóa Văn nghệ TP. Hồ Chí Minh.
26. MIRIAM T. STARK 2003. *Angkor Borei and the Archaeology of Cambodia' Mekong Delta*. Art and Archaeology of Funan, Pre-Khmer Kingdom of the Lower Mekong Valley. Orchid Press, Bangkok, 87-105.
27. VÕ SĨ KHAI 2004. *Di tích Linh Sơn Nam (xã Vọng Thê, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang)*. Một số vấn đề khảo cổ học ở miền Nam Việt Nam. Nxb. Khoa học Xã hội, trang 237-265.
28. VÕ SĨ KHAI, ĐÀO LINH CÔN 2004. *Di tích Gò Cây Thị (xã Vọng Thê, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang)*. Một số vấn đề khảo cổ học ở miền Nam Việt Nam. Nxb. Khoa học Xã hội, trang 201-220.
29. VŨ MINH GIANG (chủ biên). 2008, *Lược sử vùng đất Nam Bộ - Việt Nam*, in lần thứ hai. Nxb. Thế Giới, Hà Nội.
30. VƯƠNG THU HỒNG 2012. *Sen vàng trong bộ sưu tập hiện vật vàng Bình Tả (Đức Hòa, Long An)*. Những phát hiện mới về Khảo cổ học năm 2011. Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, trang 778-780.

Tài liệu mạng:

http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%C3%B9_Nam

http://vi.wikipedia.org/wiki/L%C6%B0%C6%A1ng_th%C6%B0

http://vi.wikipedia.org/wiki/H%E1%BB%87_%C4%91o_l%C6%B0%E1%BB%9Dng_c%E1%BB%95_Trung_Hoa

http://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A0_%C4%90%C6%B0%E1%BB%9Dng

<http://www.baotintuc.vn/158N20101224104120170T0/khu-di-tich-lomoco-nien-dai-tu-the-ky-13.htm>